

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:**

a) Nhằm bảo đảm việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, có trọng tâm; bảo đảm sự công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và sự minh bạch của bộ máy hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

**2. Yêu cầu:**

- Nội dung Kế hoạch bảo đảm đồng bộ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; có chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm.

- Bảo đảm sự phân công, phối hợp rõ ràng, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm.

- Huy động sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan trong triển khai, thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

**II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm)

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động năm 2025 của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả về Văn phòng Chính phủ theo quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện Kế hoạch này và có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này./.

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
<b>I</b>	<b>Kiểm soát chất lượng quy định thủ tục hành chính (TTHC)</b>				
1	Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên trong năm 2025	Cơ quan có thẩm quyền được giao chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC.	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC thực hiện đánh giá tác động theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
2	Tham gia ý kiến về nội dung quy định TTHC tại đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên trong năm 2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn bản cho ý kiến về nội dung quy định TTHC tại đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.
<b>II</b>	<b>Công bố, công khai TTHC</b>				
<b>1</b>	<b>Công bố TTHC</b>				
1.1	<p>Công bố thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính; công bố danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp.</p> <p>Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh có nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh: Tham mưu công bố thủ tục hành chính theo đúng quy định.</li> <li>- Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương: Thường xuyên rà soát cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của bộ, ngành trên Cổng Dịch</li> </ul>	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	<p>100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa các cấp (trừ các TTHC không đủ điều kiện theo quy định).</p> <p>Việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa đối với các TTHC phải được công bố trong Quyết định công bố thủ tục hành chính, Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và công khai theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.</p> <p>Quyết định công bố thủ tục hành chính/công bố danh mục thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 và</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	vụ công quốc gia, tham mưu công bố danh mục TTHC theo quy định; bảo đảm mục tiêu, thời hạn <sup>1</sup> theo đúng Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/ 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh <sup>2</sup> .				Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.
1.2	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành,	Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm số lượng TTHC nội bộ được ban hành, số lượng TTHC được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC theo yêu cầu của Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh và chỉ đạo của các cơ quan cấp trên.
<b>2</b>	<b>Công khai TTHC</b>				
2.1	Nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia các dữ liệu thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; tích hợp	Thường xuyên trong năm 2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh	TTHC được công khai trên cơ sở dữ liệu TTHC Công Dịch vụ công quốc gia theo quy định.  Các sở, ban, ngành thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành

<sup>1</sup> Trường hợp dữ liệu về quyết định công bố của thủ tục hành chính được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì số thủ tục hành chính trong quyết định công bố đó được tính là công bố quá hạn.

<sup>2</sup> Công văn số 8377/UBND-KSTT ngày 18/08/2023 của UBND tỉnh về cải cách thủ tục hành chính.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	các dữ liệu TTHC theo Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã được bộ, cơ quan ngang bộ đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.				chính sau khi Văn phòng UBND tỉnh thực hiện phân quyền theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.
2.2	Công khai TTHC tại trụ sở cơ quan trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	<p>Cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu TTHC Công Dịch vụ công quốc gia phục vụ cho việc công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo phạm vi chức năng, thẩm quyền được giao.</p> <p>Trường hợp không truy xuất được dữ liệu thủ tục hành chính từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, các đơn vị, địa phương sử dụng Quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, ngành Trung ương để công khai.</p> <p>Yêu cầu, cách thức công khai thực hiện theo Điều 14, Điều 15 và Phụ lục 4 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.
2.3	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh/Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Thường xuyên trong năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC để công khai theo đúng quy định hiện hành.  Văn phòng UBND tỉnh chủ trì thực hiện công khai trên Hệ thống giải quyết TTHC mới của tỉnh.  Văn phòng UBND tỉnh chủ trì thực hiện công khai, tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh sau khi nhận chuyển giao từ Sở Thông tin và Truyền thông.
2.4	Công khai TTHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	TTHC được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị gồm danh mục TTHC đang áp dụng theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh; nội dung chi tiết TTHC kèm theo được truy xuất từ cơ sở dữ liệu TTHC Cổng dịch vụ công quốc gia.  Trường hợp không truy xuất được dữ liệu TTHC từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, các đơn vị, địa phương sử dụng Quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, ngành để công khai.
2.5	Công khai tiến độ, kết quả giải	Thường	Các sở, ban,	Văn phòng	Bảo đảm 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang thông tin điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	xuyên trong năm 2025	ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	quyền giải quyết của cơ quan đơn vị được công khai tiến độ giải quyết trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.
<b>III</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính</b>				
1.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 5283/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được giao theo quy định.
2.	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ Tỷ lệ cập kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
3.	Chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, làm cơ sở để xác định mã loại giấy tờ, kết nối, chia sẻ, sử dụng thống nhất trong toàn quốc.	Theo tiến độ của các cơ quan trung ương.	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Danh mục kết quả chuẩn hóa được cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ.
4.	Công bố danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính đưa vào tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định công bố danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính đưa vào tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp.
5.	Tổ chức thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính	Theo tiến độ của Trung ương và các văn bản liên quan	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành chủ động đề xuất, tham mưu triển khai thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/08/2022 của Thủ tướng chính phủ; tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án đẩy mạnh phân cấp cho UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
6.	Rà soát, kiện toàn; bố trí trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	<p>Rà soát, bảo đảm trang thiết bị (máy scan, chứng thư số cá nhân, chứng thư số cơ quan...) phục vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.</p> <p>Bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa có trình độ chuyên môn thực hiện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>Công khai số điện thoại Bộ phận Một cửa các cấp tại mặt sau giấy tiếp nhận và hện trả kết quả theo mẫu tại phụ lục 1.</p> <p>Công khai tại trụ sở và trên trang tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có): Họ, tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ phận Một cửa; họ, tên, chức danh, lĩnh vực công tác, số điện thoại của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa.</p>
7.	Các sở, ban, ngành rà soát, tham mưu phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các cấp chính quyền trên địa	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành	Văn phòng, UBND tỉnh; các Sở: Thông tin và	100% hồ sơ TTHC phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và phải liên thông, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi,

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	bàn tỉnh (tỉnh, huyện, xã) theo quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh; tự phê duyệt quy trình nội bộ đối với trường hợp được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt.			Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan	đánh giá quá trình thực hiện
8.	Rà soát, thực hiện tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh để tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục giấy tờ công dân	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, đề xuất tái cấu trúc các thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
9.	Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC được phê duyệt, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh để áp dụng thống nhất.	Thường xuyên trong năm 2025	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực lập hồ sơ đề xuất cập nhật thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính gửi về Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).  Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) thực hiện cập nhật, công khai quy trình trên Hệ thống

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.
10.	Thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp đối với các TTHC đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	100% TTHC đủ điều kiện được đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp.  UBND thành phố Nha Trang báo cáo kết quả thực hiện thí điểm mô hình tại địa phương.
11.	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng nội dung quy định về TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; không được quy định thêm bất kỳ nội dung nào khác về TTHC ngoài những quy định đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC có quy định.  Trong quá trình thực hiện TTHC phát hiện những thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố, công khai hoặc được công bố, công khai nhưng chưa đầy đủ, chính xác nội dung quy định về TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật, hoặc đã hết hiệu lực thi	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện đúng quy định, hạn chế tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần.  Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổng hợp của các đơn vị trực thuộc và báo cáo UBND tỉnh (thường xuyên và định kỳ tổng hợp vào báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý). Trường hợp chưa phát hiện vẫn phải báo cáo theo quy định.  Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	hành, bị hủy bỏ, bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai hoặc không đảm bảo sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) và bộ, ngành Trung ương.				
12.	Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Chính phủ
13.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	Trong năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu đề ra.
14.	Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.	Trong năm 2025	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện: Đạt 100%.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
			xã	tin và Truyền thông	Dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính được cung cấp trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh.
15.	Đẩy mạnh thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 45%.
16.	Tổ chức đánh giá nội bộ về giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Hàng quý, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh kết quả đánh giá về giải quyết TTHC và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, bất cập phát sinh, kết quả khắc phục của quý trước; công khai kết quả thực hiện trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.
17.	Tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá, chỉ đạo, điều hành chất lượng giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.	Trong năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Kết quả đánh giá được công khai được công khai theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
<b>IV. Kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính</b>					
1	Kiểm tra, hỗ trợ nghiệp vụ cho các đơn vị về công tác kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh (theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ).	Trong năm 2025, theo Kế hoạch kiểm tra CCHC hoặc đột xuất của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	<p>Kiểm tra tại một số sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện (trừ huyện Trường Sa), cùng với một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Tất cả các xã, phường, thị trấn còn lại giao cho UBND cấp huyện kiểm tra.</p> <p>Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra đề xuất các biện pháp hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn và thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo đúng quy định.</p>
2	Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương và trình phương án giải quyết đối với những trường hợp còn tồn đọng, khó khăn trong giải quyết TTHC.	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	<p>UBND cấp huyện lập Kế hoạch kiểm tra (gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi) và báo cáo kết quả kiểm tra về Văn phòng UBND tỉnh chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra.</p> <p>Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC trong báo cáo năm về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC gửi</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
<b>V. Rà soát, đánh giá TTHC</b>					
1	Rà soát, đơn giản hóa trọng tâm năm 2025				
1.1	<p>Các đơn vị tiến hành rà soát TTHC theo phụ lục 2 đính kèm.</p> <p>Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá đơn giản hóa dựa vào các nội dung của tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ theo hướng dẫn tại Điều 25, 26, 27 của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Tổng hợp kết quả đánh giá gồm: (1) Nội dung, phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; (2) Lý do; (3) Chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; (4) Kiến nghị thực thi.</p> <p>Việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC được thực hiện bằng cách chia nhỏ quy trình thực hiện TTHC</p>	Trước 30/07/2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan	<p>Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá được gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 30/7/2025 để xem xét, đánh giá chất lượng.</p> <p>Kết quả rà soát, đánh giá gồm báo cáo, biểu mẫu rà soát, tính toán chi phí tuân thủ TTHC, phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC; sơ đồ nhóm TTHC trước và sau rà soát (<i>đối với rà soát nhóm TTHC</i>).</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	<p>để ước tính chi phí phải bỏ ra của đối tượng thực hiện như: chi phí chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ, hoàn chỉnh các yêu cầu, điều kiện, các khoản phí, lệ phí... thực hiện ước tính chi phí tuân thủ TTHC cho cả chi phí hiện tại và chi phí sau đơn giản hóa để so sánh lợi ích chi phí tuân thủ của việc đơn giản hóa TTHC (việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 27, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ TTHC và hướng dẫn tính chi phí tuân thủ TTHC tại Phụ lục X, ban hành kèm theo Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ).</p>				
1.2	<p>Tổng hợp, đánh giá chất lượng rà soát, tham mưu báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục trọng tâm năm 2025 theo ngành, lĩnh vực gửi bộ, cơ quan ngang bộ, Văn phòng Chính phủ.</p>	<p>Trước ngày 15/09/2025</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện</p>	<p>Văn bản đánh giá chất lượng rà soát TTHC đối với TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.</p> <p>Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục trọng tâm năm 2025 gửi bộ, cơ quan ngang bộ, Văn phòng Chính phủ.</p>
1.3	<p>Trên cơ sở kết quả đánh giá chất</p>	<p>Trong năm</p>	<p>Các sở, ban,</p>	<p>Văn phòng</p>	<p>Quyết định thông qua phương án đơn</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
	lượng của Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC hoàn thiện lại kết quả rà soát, đánh giá và dự thảo quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đối với từng lĩnh vực, hoặc theo nội dung được giao chủ trì (theo mẫu tại Phụ lục VI, ban hành kèm theo Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ) để trình UBND tỉnh phê duyệt.	2025	ngành; UBND cấp huyện	UBND tỉnh	giản hóa TTHC đối với TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.
2	Rà soát, đề xuất thực hiện thí điểm liên thông nhóm thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định công bố thực hiện thí điểm liên thông nhóm thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.
<b>VI</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính</b>				
1	Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.	Thường xuyên trong năm 2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Đảm bảo các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được xử lý kịp thời và đúng thẩm quyền theo quy định.  Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo đảm an toàn cho các tài

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					<p>khoản Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Công dịch vụ công quốc gia đã được cấp; sử dụng tài khoản được cấp để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.</p> <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng được đăng tải công khai tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-bo-nganh-dia-phuong.html">https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-bo-nganh-dia-phuong.html</a>.</p>
2	Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Nội dung công khai thực hiện theo mẫu tại phụ lục 3.	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	100% cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC phải công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có).
3	Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo Điều 19 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.	Thường xuyên trong năm 2025	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã		Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị được công khai theo Điều 19 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
<b>VII. Công tác truyền thông, tuyên truyền, hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính</b>					
1	<p>Tổ chức thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện khai thác thông tin về thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh, thanh toán trực tuyến thuế đất của doanh nghiệp và người dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>Tuyên truyền, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.</p> <p>Tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người dân sử dụng bản sao chứng thực điện tử trong thực hiện thủ tục hành chính.</p>	Trong năm 2025	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh, Báo Khánh Hoà, Đài phát thanh, truyền hình tỉnh	
2	Tổ chức tập huấn và tham gia tập huấn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC	Theo yêu cầu và Kế hoạch của Văn phòng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ đầu mối về kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh khi văn bản quy phạm pháp luật kiểm soát thủ tục hành chính có thay đổi hoặc theo hướng dẫn Văn phòng Chính phủ.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức triển khai, tập huấn cho các cán bộ, đơn vị trực thuộc.
<b>VIII</b>	<b>Chế độ báo cáo</b>				
1	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ; thực hiện chế độ báo cáo cải cách thủ tục hành chính định kỳ theo quy định.</p> <p>Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.</p>	Trong năm 2025	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	<p>Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ. Ngoài ra, bổ sung vào khoản 12 mục I của báo cáo định kỳ:</p> <p>- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Công văn số 6419/UBND-KSTT ngày 13/7/2022 và Công văn số 7011/UBND-KSTT ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.</li> <li>- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Nguyên nhân hồ sơ giải quyết quá hạn; các giải pháp đã triển khai thực hiện khắc phục tình trạng quá hạn; tham mưu, đề xuất biện pháp khắc phục (nếu có).</li> <li>- UBND cấp huyện thống kê cụ thể danh mục TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết cấp huyện, xã theo mẫu tại phụ lục 4.</li> <li>- Các sở, ban, ngành thống kê cụ thể danh mục TTHC theo ngành, lĩnh vực</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả
					<p>thuộc trách nhiệm tham mưu, trình công bố và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (tỉnh, huyện, xã) theo mẫu tại phụ lục 5.</p> <p>- Báo cáo số liệu về tình hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp theo Phụ lục 6 (đối với báo cáo năm). UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo số liệu của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn quản lý.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh báo cáo tình hình, tiến độ cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục 7.</p>
<b>IX</b>	<b>Công tác chỉ đạo của các đơn vị</b>				
1	Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, các đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch năm 2025 của mình.	Trong năm 2025	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch năm 2025 của các đơn vị, địa phương gửi Văn phòng UBND tỉnh trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch của tỉnh ban hành.

**Phụ lục 1**  
**MẪU THÔNG TIN LIÊN HỆ BỘ PHẬN MỘT CỬA CÁC CẤP**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)

**THÔNG TIN LIÊN HỆ BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ/ĐỊA PHƯƠNG**

1. Người đứng đầu Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Họ, tên, chức danh, số điện thoại.
2. Cấp phó (nếu có) của người đứng đầu Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Họ, tên, chức danh, số điện thoại.
3. Số điện thoại của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
4. Gửi nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính qua Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/guipakn>.

Rất vui lòng được phục vụ Ông/Bà.

Ghi chú: Số điện thoại bàn và di động.

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÀ SOÁT,**  
**ĐƠN GIẢN HÓA TRỌNG TÂM NĂM 2025**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*

<b>TT</b>	<b>Thủ tục hành chính/Nhóm thủ tục hành chính</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cấp thực hiện</b>	<b>Cơ quan rà soát</b>
1.	Nhóm thủ tục hành chính	Các mã TTHC thuộc nhóm thủ tục hành chính	Chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, thủy sản	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2.	Nhóm thủ tục hành chính	Các mã TTHC thuộc nhóm thủ tục hành chính	Lâm nghiệp	Cấp huyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3.	Nhóm thủ tục hành chính	Các mã TTHC thuộc nhóm thủ tục hành chính	Dược, khám bệnh, chữa bệnh, giám định y khoa, an toàn vệ sinh thực phẩm	Cấp tỉnh	Sở Y tế
4.	Nhóm thủ tục hành chính	Các mã TTHC thuộc nhóm thủ tục hành chính	An toàn bức xạ hạt nhân, hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ

5.	Nhóm thủ tục hành chính	Các mã TTHC thuộc nhóm thủ tục hành chính	Chứng thực	Cấp xã	UBND huyện Vạn Ninh
6.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1.002153	Luật sư	Cấp tỉnh	Sở Tư pháp
7.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	1.009284	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh	Sở Tư pháp
8.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
9.	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008723	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
10.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp	1.005450	An toàn, vệ	Cấp tỉnh	Sở Lao động,

	lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).		sinh lao động		Thương binh và Xã hội
11.	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645	Văn hóa	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
12.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
13.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ	1.001801	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và

	điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao		thao		Thể thao
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
15.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
16.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
17.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.000953	Thể dục thể thao	Cấp tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao
19.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012672	Tôn giáo	Cấp tỉnh	Sở Nội vụ
20.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức	1.012661	Tôn giáo	Cấp tỉnh	Sở Nội vụ

	tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh				
21.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012641	Tôn giáo	Cấp tỉnh	Sở Nội vụ
22.	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012632	Tôn giáo	Cấp tỉnh	Sở Nội vụ
23.	Hiệp thương giá	1.012735	Quản lý giá	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
24.	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012744	Quản lý giá	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
25.	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	3.000242	Quản lý xuất nhập cảnh	Cấp tỉnh	Sở Ngoại vụ
26.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012222	Công tác dân tộc	Cấp tỉnh, Cấp xã	Ban Dân tộc, UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Khánh Sơn
27.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223	Công tác dân tộc	Cấp tỉnh	Ban Dân tộc, UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Khánh Sơn
28.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	2.000621	Điện	Cấp tỉnh	Sở Công Thương

29.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	Sở Công Thương
30.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	Sở Công Thương
31.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000229	Vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	Sở Công Thương
32.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001434	Vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	Sở Công Thương
33.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu	2.001932	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
34.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư	2.001932	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư

	thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản - Đối với dự án đầu tư nhóm A		trợ phát triển chính thức (ODA)		Đầu tư
35.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản - Đối với dự án đầu tư nhóm B	2.001932	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
36.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản - Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác	2.001932	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
37.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại- Đối với các dự án, phi dự án quy định tại khoản 27 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018	2.000045	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư

38.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại- Đối với các dự án, phi dự án không quy định tại khoản 27 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018	2.000045	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
39.	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	2.002551	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
40.	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	2.001999	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
41.	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	2.002004	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp	2.002005	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư

	sáng tạo		vừa		
43.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000005	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
44.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	1.000016	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
45.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000024	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
46.	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002418	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
47.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088	Đường thủy nội địa	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
48.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường	1.004047	Đường thủy nội địa	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

	thủy nội địa					
49.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036	Đường nội địa	thủy	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
50.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711	Đường nội địa	thủy	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
51.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002	Đường nội địa	thủy	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
52.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970	Đường nội địa	thủy	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
53.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	Đường nội địa	thủy	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

54.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930	Đường thủy nội địa	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
55.	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659	Đường thủy nội địa	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
56.	Thủ tục thành lập hội	1.012940	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
57.	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt Điều lệ hội	1.012941	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
58.	Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	1.012950	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
59.	Thủ tục hội tự giải thể	1.012951	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
60.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.012949	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
61.	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội	1.012939	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
62.	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.012952	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

63.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013024	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
64.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1.013025	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
65.	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013026	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
66.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013027	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
67.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013028	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
68.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.013029	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
69.	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013030	Tổ chức phi chính phủ	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
70.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò	2.001885	Phát thanh truyền hình và	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

	chơi điện tử công cộng		thông tin điện tử		
71.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001884	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
72.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001880	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
73.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
74.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (UBND cấp huyện)	1.009220	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

75.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622	Giáo dục mầm non	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
76.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thực	1.004494	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
77.	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
78.	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên	1.005144	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
79.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Khánh Sơn
80.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

			(hộ kinh doanh)		
81.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
82.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
83.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
84.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp <del>tác</del> thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

85.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh (Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)	2.002123	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
86.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.005277	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
87.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
88.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.004979	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang
89.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005378	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	Cấp huyện	UBND thành phố Nha Trang

90.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	2.002481	Giáo dục và trung học	Cấp huyện	UBND huyện Diên Khánh
91.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Cấp huyện	UBND huyện Diên Khánh
92.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	2.000748	Hộ tịch	Cấp huyện	UBND huyện Khánh Sơn
93.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1.010832	Người có công	Cấp huyện	UBND huyện Khánh Sơn
94.	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	1.000903	Văn hóa	Cấp huyện	UBND huyện Khánh Sơn
95.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	1.008455	Quy hoạch, xây dựng kiến trúc	Cấp huyện	UBND huyện Khánh Sơn
96.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456	Thủy lợi	Cấp huyện	UBND huyện Khánh Sơn
97.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	2.000620	Lưu thông	Cấp	UBND huyện

			hàng hóa trong nước	huyện	Vạn Ninh, UBND huyện Cam Lâm
98.	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	2.002373	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Cam Lâm
99.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Cấp huyện	UBND huyện Vạn Ninh
100.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
101.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
102.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
103.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm

104.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
105.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
106.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528	Hộ tịch	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
107.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766	Hộ tịch	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
108.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806	Hộ tịch	Cấp huyện	UBND huyện Cam Lâm
109.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	1.012775	Đất đai	Cấp huyện	UBND thành phố Cam Ranh, UBND huyện Khánh Sơn
110.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
111.	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố

					Nha Trang
112.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Cam Lâm, UBND thành phố Cam Ranh, UBND huyện Diên Khánh
113.	Đăng ký lại khai sinh	1.004884	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
114.	Đăng ký khai tử	1.000656	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Vạn Ninh
115.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện

					Khánh Sơn
116.	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	2.000986	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
117.	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ em được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	1.002192	Dân số - Sức khoẻ sinh sản	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
118.	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.	2.001023	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
119.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.002745	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
120.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh.	2.002307	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
121.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp.	2.002308	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
122.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia.	1.004964	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang

123.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.	1.003337	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
124.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.	2.001382	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
125.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	1.002363	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
126.	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	1.002271	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
127.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.003423	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
128.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	1.002429	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
129.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	1.002440	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
130.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.006779	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
131.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	1.002519	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang

132.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	1.003351	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
133.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	1.002410	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
134.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	1.001257	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
135.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công tử trận.	1.002271	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
136.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.	1.003159	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
137.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng tử trận.	1.002252	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang

138.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	1.003057	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
139.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	2.001396	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
140.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	2.001157	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
141.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	1.002741	Người có công	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
142.	Đăng ký khai sinh	1.001193	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
143.	Đăng ký kết hôn	1.000894	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Cam Lâm

144.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
145.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Diên Khánh
146.	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
147.	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593		Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
148.	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
149.	Đăng ký giám hộ	1.004837	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
150.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh

151.	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	1.004859	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
152.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255	Nuôi con nuôi	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
153.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	1.001731	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh
154.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	1.000954	Văn hóa	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
155.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	1.001120	Văn hóa	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
156.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622	Văn hóa	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
157.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
158.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND

					thành phố Cam Ranh, UBND huyện Diên Khánh
159.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
160.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	1.000674	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
161.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
162.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
163.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thẩm quyền Phòng LĐTBXH)	1.001758	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang

164.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2.000286	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
165.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
166.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	1.001310	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang
167.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772	Hộ tịch	Cấp xã	UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện Khánh Sơn
168.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	1.012374	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Diên Khánh
169.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	1.012379	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện

					Khánh Sơn
170.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	1.000775	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Diên Khánh
171.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	1.012378	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Diên Khánh
172.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	1.012376	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện Khánh Sơn
173.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	1.012373	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Diên Khánh
174.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng	1.012373	Thi đua khen thưởng	Cấp xã	UBND huyện Cam Lâm
175.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	UBND huyện Cam Lâm

**PHỤ LỤC 3**  
**Mẫu Nội dung hướng dẫn thực hiện**  
**phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*

**TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa mong nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo các nội dung sau đây:

- Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thi hành hoặc trái với nội dung thủ tục hành chính được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính...

- Quy định hành chính không phù hợp với thực tế; không đồng bộ, thiếu thống nhất; không hợp pháp hoặc trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

- Đề xuất phương án xử lý những phản ánh nêu trên hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

**Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận theo một trong các cách thức sau:**

- Gửi qua Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/guipakn>.

- Gửi đến cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa, số 01 Trần Phú, Nha Trang, Khánh Hòa.

- Số điện thoại chuyên dùng: 0258.3822765.

**Hãy truy cập vào địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/guipakn> để đồng hành với Chính phủ trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính vì sự thịnh vượng của đất nước.**

**Lưu ý:**

- Phản ánh, kiến nghị phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị;

- Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị;

- Không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*

TT	Thủ tục hành chính	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>					
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>					
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>					
	Tổng số TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ/tổng số TTHC từng cấp	Ví dụ: 223/250 TTHC cấp huyện và 105/110 TTHC cấp xã				
	Tổng số TTHC đã được công khai trên cơ sở dữ liệu Cổng dịch vụ công quốc gia, tuy nhiên chưa được Chủ tịch UBND tỉnh công bố.	Ví dụ: 20 TTHC (ghi rõ số, ký hiệu Quyết định của bộ, ngành).				

**PHỤ LỤC 5**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*

TT	Thủ tục hành chính	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC	Tờ trình phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có)	Lập hồ sơ đề xuất cập nhật TTHC theo quy định	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>							
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng năm	Tờ trình số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	Số ký hiệu...ngày tháng năm	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>							
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết	Quyết định số...ngày tháng năm	Tờ trình số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	Số ký hiệu...ngày tháng năm	

		công quốc gia, ví dụ 2.001283	định công bố TTHC.					
<b>III</b>	<b>Cấp xã</b>							
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Công dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngà y tháng năm	Tờ trình số..ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	Số ký hiệu...ngày tháng năm	
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng</b>							
	Tổng số TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ/tổng số TTHC từng cấp	Ví dụ: 223/250 TTHC cấp huyện và 105/110 TTHC cấp xã và 210/210 cấp tỉnh.						
	Tổng số TTHC đã được công khai trên cơ sở dữ liệu Công dịch vụ công quốc gia, tuy nhiên chưa trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố.	Ví dụ: 20 TTHC chưa trình công bố (ghi rõ số, ký hiệu Quyết định của bộ, ngành). Trường hợp đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố đầy đủ theo quy định, mục này ghi “Không có”.						

**PHỤ LỤC 6****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ PHẬN MỘT CỬA***(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Số lượng hồ sơ tiếp nhận trong năm 2025<sup>1</sup></b>	<b>Số lượng công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa<sup>2</sup></b>	<b>Quyết định cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa (Số Quyết định, ngày Quyết định)</b>	<b>Năng suất tiếp nhận hồ sơ năm 2025 (Tổng số hồ sơ tiếp nhận/ Số người làm việc tại Bộ phận Một cửa)</b>	<b>Đề xuất số lượng công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa năm 2026</b>

<sup>1</sup> Số liệu từ 15/12/2024 đến 14/12/2025;<sup>2</sup> UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo số liệu của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn quản lý.

**PHỤ LỤC 7**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025)*



TT	Thủ tục hành chính	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có)	Lập hồ sơ đề xuất cập nhật TTHC theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	Ngày cập nhật trên phần mềm một cửa điện tử tỉnh	Quy trình giải quyết TTHC đã được cập nhật	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>								
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng.. năm	Quyết định số...ngày tháng.. năm	Số ký hiệu...ngày tháng.. năm	Ngày... tháng.. năm	Ví dụ: 009.07.015 quy trình giải quyết X và 009.07.016 quy trình giải quyết Y	2 (thống kê số lượng quy trình của cột quy trình đã được cập nhật)
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>								
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	Số ký hiệu...ngày tháng năm			

III	Cấp xã								
	Thủ tục X	Mã TTHC trên Công dịch vụ công quốc gia, ví dụ 2.001283	Lĩnh vực thống nhất theo Quyết định công bố TTHC.	Quyết định số...ngày tháng năm	Quyết định số...ngày tháng năm	Số ký hiệu...ngày tháng năm			
	Tổng cộng								